

**PHỤ LỤC 6: DANH MỤC CHI TIẾT CÔNG TRÌNH QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ DUY TU SỬA CHỮA HỆ THỐNG
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG HUYỆN NHƠN TRẠCH NĂM 2020**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Mã CV	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	CS.5.01.2a1	Thay bóng đèn cao áp sodium 250W	20 bóng	7,35	
2	CS.5.01.2a1	Thay bóng đèn cao áp sodium 150W	20 bóng	1,25	
3	CS.5.03.31	Thay chấn lưu loại 250W	bộ	37	
4	CS.5.03.31	Thay chấn lưu loại 250/150W	bộ	9	
5	CS.5.03.31	Thay chấn lưu loại 150W	bộ	13	
6	CS.5.03.31	Thay chấn lưu loại 150/100W	bộ	1,60	
7	CS.5.03.31	Thay bộ mối	bộ	31	
8	CS.5.03.31	Thay tụ bù	bộ	260	
9	CS.5.03.71	Thay bộ chuyển đổi công suất	bộ	54	
10	CS.5.03.11	Thay chấn lưu và bóng 250W	bộ	37	
11	CS.5.03.11	Thay chấn lưu và bóng 150W	bộ	6	
12	CS.5.03.11	Thay bộ mối và bóng 250W	bộ	37	
13	CS.5.03.11	Thay bộ mối và bóng 150W	bộ	6	
14	CS.5.03.53	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng 400W	bộ	7	
15	CS.5.03.51	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng 250W	bộ	294	
16	CS.5.03.51	Thay chấn lưu 2 cấp, bộ mối và bóng 250W	bộ	52	
17	CS.5.03.51	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng 150W	bộ	25	
18	CS.5.03.51	Thay chấn lưu 2 cấp, bộ mối và bóng 150W	bộ	4	

STT	Mã CV	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
19	CS.5.01.2a1	Thay đuôi đèn cao áp	20 đuôi	9,05	
20	CS.5.07.1c1	Luồn dây lên đèn (dây CVV2x2.5mm2)	100 m	3,12	
21	CS.5.07.1c1	Luồn dây lên đèn (dây CVV2x1.5mm2)	100 m	0,40	
22	CS.5.07.2a1	Thay dây cáp ABC 3x35mm2	40m	3,13	
23	CS.5.07.2a1	Thay dây cáp ABC 4x25mm2	40m	7,80	
24	CS.5.07.2a1	Thay dây cáp ABC 3x25mm2	40m	7,80	
25	CS.5.07.2a1	Thay dây cáp ABC 2x25mm2	40m	58,43	
26	CS.5.07.2a1	Thay dây cáp ABC 4x16mm2	40m	7,80	
27	CS.5.07.21	Thay dây cáp ABC 3x16mm2	40m	155,78	
28	CS.5.07.32	Thay dây cáp CXV/DSTA 3x25mm2	40m	7,50	
29	CS.5.07.32	Thay dây cáp CXV/DSTA 4x25mm2	40m	1,13	
30	CS.5.07.1a6	Thay dây AV 25mm2	40m	1	
31	CS.5.05.11	Thay cần đèn đơn ốp tru D60, dày 2,6mm, dài 3m	cái	10	
32	CS.5.05.11	Thay cần đèn đôi D60, dày 2,6mm, dài 3m	cái	18	
33	CS.5.01.3a	Thay bóng đèn Compact 18W - 220V	20 bóng	20	
34	CS.5.01.3a	Thay đuôi đèn Compact	20 bóng	8	
35	CS.2.02.11	Làm đầu cáp khô (cosse 16-35mm2)	cái	120	
36	CS.5.08.11	Thay vỏ tủ điện, dày 1,2mm, KT (0,8x0,55x0,4)m	cái	2	
37	CS.2.02.21	Thay cầu chì	cái	416	
38	CS.2.02.21	Xử lý tiếp xúc trên lưới	lần	312	
39	CS.2.06.21	Lắp cửa trụ	cái	180	

STT	Mã CV	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
40	CS.6.02.41	Thay MCCB-3P-100AF-18kA (BW103E0)	bộ	6	
41	CS.6.02.41	Thay MCCB-3P-50AF-10kA (BW50RAG-3P)	bộ	19	
42	CS.6.02.41	Thay MCCB-3P-32AF-2.5kA (BW32SAG-3P)	bộ	6	
43	CS.6.02.41	Thay Contactor - 3P - 32A	cái	12	
44	CS.6.02.41	Thay Contactor - 3P - 50A	cái	12	
45	CS.6.02.41	Thay Contactor - 3P - 80A	cái	6	
46	CS.6.02.41	Thay Contactor - 3P - 100A	cái	6	
47	CS.6.02.41	Thay bộ hẹn giờ PLC Logo 230RC	bộ	15	
48	CS.6.02.41	Thay bộ hẹn giờ Timer (điện tử)	bộ	15	
49	CS.6.02.41	Thay bộ hẹn giờ Timer (cơ)	bộ	2	
50	CS.5.13.11	Duy trì chóa, kính đèn cao áp	bộ	169	
51	CS.5.11.21	Sơn chụp, sơn cần đèn	bộ	3	
52	CS.5.09.12	Nối cáp ngầm	lần	6	
53	CS.5.11.61	Sơn tủ điện, cả giá đỡ	tủ	5	
54	CS.6.01.21	Duy trì trạm bằng đồng hồ hẹn giờ (một tháng kiểm tra 2 ngày)	1 trạm/ngày	2.976	
55	CS.5.02.11	Bộ đèn cao áp 250W-220V	bộ	5	
56	CS.5.02.11	Bộ đèn cao áp 150W-220V	bộ	2	
57	CS.5.14.11	Thay quả cầu nhựa	quả	119	
58	CS.5.14.11	Thay quả cầu và tay cầu nhựa	bộ	20	
59	CS.4.03.21	Thay dây đèn Led 7 màu	sợi	240	
60	VT	Board Led 120W	cái	5	

STT	Mã CV	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
61	VT	Bộ nguồn Driver 120W đèn Led	bộ	5	
62	VT	Bộ chống sét SPD đèn Led	bộ	5	
63	VT	Ghíp nối cáp ABC - IPC: (Ghóp đầu lèo)/Zn	cái	350	
64	VT	Bulon móc D16x300	cái	20	
65	VT	Kẹp treo cáp ABC	cái	150	
66	VT	Kẹp dừng cáp ABC	cái	35	
67	VT	Hộp đo mi no đầu nối	cái	100	
68	VT	Ổ khóa solex + bản lề	cái	10	
Giá gói thầu số 6: 2.919.240.965 đồng <i>(Bằng chữ: hai tỷ, chín trăm mười chín triệu, hai trăm bốn mươi ngàn, chín trăm sáu mươi lăm đồng)</i>					